

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 80/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-11-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Tạ Văn Tính**;

Ông **Đặng Thái Hòa**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Cường** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 460/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Kim Lệ T**, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 133/1B, Tổ 1, ấp Trường A, xã Trường T, thị xã Hòa T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Nhất L**, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 15, khu phố 1, thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 04/10/2021 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Kim Lệ T trình bày:

-Về hôn nhân: Bà và ông L chung sống với nhau từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường gây gổ, cãi vã. Đã nhiều lần hai bên gia đình can thiệp nhưng không hàn gắn được nên đã ly thân từ năm 1999 đến nay. Bà thấy vợ chồng không còn

tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1996. Nay con chung đã thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Nhất L trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của chị T về các vấn đề hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay ông yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Con chung đã thành niên nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

- + Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông L. Tuyên bố không công nhận bà T và ông L là vợ chồng.

- + Về con chung: Con chung đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

- + Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận bà T, ông L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- + Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T, ông L vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T, ông L.

[2] Về hôn nhân: Bà T, ông L khai nhận ông bà chung sống với nhau từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn phù hợp với Công văn số 133/UBND ngày 19/7/2021 của UBND xã Trường T, thị xã Hòa T, tỉnh Tây Ninh bà T cung cấp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T khai nhận trong quá trình chung sống ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường gây gổ, cãi vã. Đã nhiều lần hai bên gia đình can thiệp nhưng không hàn gắn được nên đã ly thân từ năm 1999 đến nay. Bà thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu ly hôn. Ông L thừa nhận có mâu thuẫn như bà T trình bày và đồng ý ly hôn. Xét thấy ông bà chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Nay do mâu thuẫn trầm trọng nên bà T xin được ly hôn và ông L cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9 và 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L.

[3] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1996. Nay con chung đã thành niên, bà T, ông L đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông L đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Kim Lệ T và ông Nguyễn Nhất L.

2- Về con chung: Con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1996 đã thành niên; bà Bùi Kim Lệ T, ông Nguyễn Nhất L đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Kim Lệ T và ông Nguyễn Nhất L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí: Bà Bùi Kim Lệ T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm

ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006784 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà Bùi Kim Lệ T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung